TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 454/2017/HNGĐ-ST
Ngày 21 - 7 - 2017
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Anh Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Vân.

2. Ông Nguyễn Văn Đông.

- Thư ký phiên toà: Bà Dương Thị Thanh Thủy, thư ký Toà án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng *tham gia phiên tòa*: Bà Bùi Thị Hà, kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 336/2017/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2017 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 258/2017/QĐXX-ST ngày 21 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị T; Địa chỉ: Lô 94, phường Y, quận U, thành phố Hải Phòng; Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh O; Địa chỉ: Xóm 15, xã P, huyện A, thành phố Hải Phòng; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 4 năm 2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh O kết hôn với nhau năm 2005, trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện A, thành phố Hải Phòng. Sau khi cưới, vợ chồng sinh sống tại xóm 15, xã P, huyện A, thành phố Hải Phòng. Cuộc sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến đầu 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong mọi vấn đề, anh O không quan tâm đến vợ con, thường xuyên vắng nhà nên vợ chồng thường hay

xảy ra cãi mắng nhau. Vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2014 đến nay. Nay, chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin được ly hôn anh O.

Về con chung: Chị T trình bày: Chị và anh O có một con chung tên S sinh ngày 11 tháng 3 năm 2007. Hiện nay con chung đang do chị nuôi dạy, trường hợp ly hôn chị đề nghị được tiếp tục nuôi con chung. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T trình bày để chị và anh O tự thỏa thuận giao nhận với nhau, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị T trình bày vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh O đã được Tòa án tống đạt các văn bản, quyết định tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi mở phiên tòa nhưng vẫn không có ý kiến gì về việc chị T có đơn xin ly hôn.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và về việc giải quyết vụ án như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn anh O, giao con cho chị T nuôi. Chị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị T và O là hợp pháp theo Giấy đăng ký kết hôn số 57/2005 ngày 16 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện A, thành phố Hải Phòng. Tài liệu chứng cứ thu thập được thể hiện quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn căng thẳng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2014 đến nay. Thể hiện mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị T và anh O có một con chung tên S sinh ngày 11 tháng 3 năm 2007. Hiện nay chị T đang nuôi con. Cháu S mong muốn được ở với

mẹ. Vì vậy, chấp nhận đề nghị của chị T, giao con cho chị T trực tiếp nuôi là phù hợp với Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị T trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh O không có ý kiến gì về việc giải quyết vụ án cũng như về vấn đề tài sản chung. Do không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

1. Về hôn nhân: Chị T được ly hôn anh O.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị T trực tiếp nuôi con chung tên S sinh ngày 11 tháng 3 năm 2007. Việc nuôi con được thực hiện cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0000939 ngày 11 tháng 5 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- UBND xã P;
- Đương sự;
- Lưu: VT; Hồ sơ vụ án.

Lê Anh Sơn